

Số: /BC-STNMT

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

Thực hiện Văn bản số 7222/BTNMT-VP ngày 29/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 của ngành tài nguyên và môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai báo cáo kết quả thực hiện với những nội dung sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. CÔNG TÁC THAM MƯU BAN HÀNH VĂN BẢN, TỔ CHỨC BỘ MÁY, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

1. Công tác tiếp nhận, tham mưu, ban hành văn bản:

Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận gần 18.000 văn bản đến và trực tiếp xây dựng, ban hành hơn 6200 văn bản để tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Bên cạnh đó, các văn bản của các cấp, các ngành đều được Sở triển khai, tập trung chỉ đạo, giải quyết kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực của ngành¹. Ngoài ra, Sở cũng tham mưu cho UBND tỉnh các Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch, Báo cáo và hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực của ngành.

1. **Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND** ngày 31/12/2021 về Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế phối hợp và thời gian thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai; **Quyết định số 65/2021/QĐ-UBND** ngày 31/12/2021 về Bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ một số nội dung trong Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Lào Cai; **Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND** ngày 20/01/2022 về Sửa đổi, bổ sung một số Quyết định của UBND tỉnh Lào Cai quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai; **Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND** ngày 10/02/2022 về ban hành quy định hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất; mức đất xây dựng phân mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa; tách thửa, hợp thửa đối với đất ở, đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai; **Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND** ngày 12/8/2022 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai; **Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND** ngày 12/8/2022 về sửa đổi một số nội dung của Điều 1 Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành về tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Lào Cai.

2. Về tổ chức, bộ máy, biên chế:

Thực hiện sửa đổi Quyết định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đăng ký đất đai; ban hành Đề án sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở TNMT. rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy, cán bộ, lãnh đạo quản lý năm 2022, giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031.

Thực hiện quy trình bổ nhiệm 05 lãnh đạo, bổ nhiệm lại 02 lãnh đạo cấp phòng, đội; tiếp nhận 02 viên chức theo đúng quy định.

Xét duyệt quyết định nâng bậc lương trước thời gian cho 18 công chức, viên chức; nâng bậc lương thường xuyên cho 50 công chức, viên chức.

Thực hiện quy trình nghỉ hưu đúng tuổi 01 viên chức; nghỉ thôi việc theo nguyện vọng cá nhân 01 viên chức.

3. Công tác cải cách hành chính:

Công tác cải cách hành chính luôn được chú trọng chỉ đạo thực hiện, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”. Sở thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở cập nhật, nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có chứa đựng TTHC để kiểm soát các thủ tục hành chính đã được công bố. Thực hiện các giải pháp cụ thể giảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC chậm muộn xuống dưới 5% (từ tháng 9 đến tháng 12/2022 duy trì dưới 2%). Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong việc giải quyết TTHC.

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính; kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC năm 2022. Sở đã thực hiện công khai, minh bạch 104 TTHC lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, trên Cổng thông tin điện tử của Sở, Cổng dịch vụ hành chính công của tỉnh, đạt 100%. Thực hiện cắt giảm 30% - 50% thời gian giải quyết đối với 28 TTHC.

Căn cứ Quyết định công bố TTHC của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở đã tham mưu xây dựng dự thảo, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính đối với 02 TTHC lĩnh vực đo đạc và bản đồ, 11 TTHC lĩnh vực bảo vệ môi trường ở 03 cấp tỉnh, huyện, xã; 09 Quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thực hiện tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai, 39 quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở theo hướng giảm các bước, các khâu trong quy trình. Đến nay, Sở đã trình UBND tỉnh công bố Danh mục 116 TTHC và phê duyệt 120 Quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC đối với 120 TTHC ở 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Đảm bảo 100% TTHC do Bộ công bố, Danh mục TTHC và Quy trình công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính của tỉnh và Cổng TTĐT của Sở.

Chuyển đổi và áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015. Chất lượng tin, bài trên Cổng thông tin điện tử đã được nâng lên, thường xuyên phổ biến văn bản QPPL của ngành trên Cổng thông tin điện

từ nhằm tuyên truyền, phục vụ tra cứu của người dân và tổ chức; trả lời đúng thời gian các câu hỏi của công dân.

4. Công tác thi đua khen thưởng:

Các phong trào thi đua được triển khai sâu rộng đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động. Với sự đồng thuận, hưởng ứng, hăng hái thi đua trong toàn ngành, tham gia đầy đủ, nhiệt tình hoạt động thể dục thể thao của Khối thi đua Các ngành QLKTTH tỉnh Lào Cai và Cụm thi đua số III, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

1. Lĩnh vực đất đai:

Công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh thời gian qua được đặc biệt quan tâm chỉ đạo, tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ yêu cầu.

Công tác tham mưu tổng hợp, báo cáo: Tham mưu cho UBND tỉnh đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TU ngày 20/3/2017 về tăng cường quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai; ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 26/04/2022 về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai; ban hành Kế hoạch triển khai rà soát và chuyển giao quản lý, khai thác, sử dụng quỹ đất công năm 2022; dự thảo báo cáo rà soát công tác đấu giá quyền sử dụng đất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Sở đã hoàn thiện, trình UBND tỉnh thẩm định kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2021-2025 tỉnh Lào Cai, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định. Thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện đối với 9/9 huyện, thị xã, thành phố, đạt 100% kế hoạch. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện. Tham mưu giải quyết đề nghị cập nhật, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Năm 2022, Sở đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho tổ chức được 1.029 giấy, đạt 73,4% KH; đơn lẻ tại các huyện cho hộ gia đình, cá nhân được 3.533 giấy, đạt 133,3%. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa đối với lĩnh vực đất đai.

Công tác xác định giá đất: Tổ chức khảo sát, xác định giá đất cụ thể và trình UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể đối với 340 vị trí trên địa bàn 9 huyện, thị xã, thành phố, đạt 154% KH. Tham mưu đơn đốc các đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể, trình UBND tỉnh phê duyệt giá đối với 12 công trình, dự án.

Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất: Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh giao đất cho 09 tổ chức, đạt 129% KH; cho 52 tổ chức thuê đất, đạt 100% KH; thu hồi đất của 36 tổ chức, đạt 100% KH; chuyển mục đích sử dụng đất cho 12 tổ chức, đạt 120% KH. Báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông

nghiệp sang đất ở trên địa bàn thị xã Sa Pa. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác thu hồi đất và điều chỉnh biến động về thu hồi đất cấp huyện và cấp xã, đến nay đã thực hiện được 09/09 huyện, thị xã, thành phố. Tham mưu giải quyết vướng mắc trong việc giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các tổ chức.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Tham mưu giải quyết các vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh, tập trung chủ yếu vào các dự án lớn có nhiều vướng mắc, các địa bàn trọng điểm như huyện Bát Xát, Bảo Thắng, thị xã Sa Pa và thành phố Lào Cai. Tham mưu văn bản hướng dẫn một số nội dung hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất đối với cây cối, hoa màu trồng trên đất chưa hợp với mục đích sử dụng đất.

Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính: Tổ chức thẩm định các TKKT dự toán phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, GPMB được 124 công trình, dự án. Thẩm định chất lượng sản phẩm công trình phục vụ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất đạt 139 công trình, dự án.

2. Lĩnh vực Khoáng sản - Nước:

2.1. Lĩnh vực khoáng sản:

Công tác tham mưu, tổng hợp: Tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động số 138-CTr/TU ngày 19/7/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 01/5/2022 về tăng cường công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022 của Chính phủ.

Báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tình hình cấp phép, hoạt động của các điểm mỏ khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ. Báo cáo UBND tỉnh kết quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, môi trường; công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản năm 2021; kết quả rà soát, đề xuất điều chỉnh việc khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản apatit; kết quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, môi trường; về việc quản lý kê khai sản lượng khoáng sản khai thác.

Công tác tham mưu thẩm định hồ sơ, giải quyết đề nghị của tổ chức: Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền/ tiền đầu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 17 mỏ và kho (06 mỏ và 11 kho lưu) với số tiền 153.132.394.000 đồng; 09 giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản; phê duyệt giá khởi điểm, bước giá và tiền đặt trước đối với các mỏ đầu giá quyền khai thác khoáng sản; phê duyệt trữ lượng 02 mỏ khoáng sản.

Tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết đề nghị của các đơn vị khai thác khoáng sản và các vướng mắc liên quan đến khoáng sản trên địa bàn tỉnh như: việc đo đạc, lấy mẫu xác định khối lượng, trữ lượng, thể trọng và hàm lượng quặng apatit loại III tại các kho lưu; việc thí điểm tính và nộp NSNN đối với khoáng sản theo trữ lượng khoáng sản; việc bổ sung khu vực phụ trợ cho dự án

xây dựng nhà máy tuyển quặng nghèo của Công ty Anh Nhẫn; việc khai thác, sử dụng apatit thuộc khối tài nguyên thuộc mỏ apatit khai trường 25, tỉnh Lào Cai; kết quả rà soát, đề xuất điều chỉnh việc khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản apatit và đất hiếm; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản, bảo vệ cát, sỏi lòng sông chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; việc quản lý, bảo vệ và cấp phép hoạt động khoáng sản đối với đất, đá làm VLXD san lấp trên địa bàn tỉnh...

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản được tăng cường. Năm 2022, Sở đã chủ trì, kiểm tra 17 cuộc đối với 46 mỏ khoáng sản như: Bàn giao mốc 03 mỏ và 04 kho lưu quặng III; kiểm tra thi công đóng cửa mỏ khai trường 7; kiểm tra hiện trạng khu vực đề nghị cấp phép, gia hạn giấy phép, đăng ký khu vực khai thác trong diện tích đất dự án xây dựng công trình đối với 6 mỏ; phối hợp kiểm tra liên ngành đối với khoáng sản làm VLXDTT 01 cuộc với 25 mỏ. Phối hợp với Tổng cục Địa chất và Khoáng sản kiểm tra chấp hành pháp luật 2 cuộc 8 mỏ, bàn giao mốc giới 02, kiểm tra khu vực đề nghị cấp phép thăm dò 01 mỏ, khu vực chồng lấn Dự án Kim Thành - Ngòi Phát và khai trường 26, 27, 28, 29.

Bên cạnh đó, trên cơ sở nắm bắt tình hình thực tế, Sở đã đề nghị các Sở, ban, ngành và các địa phương kiểm tra, xử lý đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ, hồ sơ, thủ tục pháp lý về lĩnh vực của ngành theo quy định của pháp luật.

2.2. Lĩnh vực tài nguyên nước:

Công tác tham mưu thẩm định hồ sơ, giải quyết đề nghị của tổ chức: Thẩm định, trình UBND tỉnh cấp 25 giấy phép khai thác nước mặt, 02 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, 02 giấy phép khai thác nước dưới đất; hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của 06 dự án; phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt của 02 công trình; phê duyệt cấm mốc chỉ giới bảo vệ đập, hồ chứa của 05 thủy điện.

Công tác tham mưu, tổng hợp: Tham mưu cho UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Lào Cai; điều chỉnh Kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch hưởng ứng Ngày nước thế giới, Ngày khí tượng thủy văn thế giới, chiến dịch Giờ Trái Đất năm 2022.

Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 201/2014/NĐ-CP của Chính phủ; công tác quản lý tài nguyên nước năm 2021; phương án bố trí kinh phí triển khai cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; kết quả thực hiện lập danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp, danh mục nguồn nước nội tỉnh, danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; tình hình tham mưu thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW về công tác khí tượng thủy văn.

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước: Thực hiện 14 cuộc kiểm tra đối với 19 tổ chức, cá nhân, cụ thể: Kiểm tra công trình khai thác nước của thủy điện Tà Lạt, huyện Mường Khương; tình hình chấp hành pháp luật về tài nguyên nước của dự án thủy điện Nậm Xây Nội 2, Văn Bàn; công trình khai thác, sử dụng nước của cơ sở chế biến tinh bột sắn xã Tân An, huyện Văn Bàn; tình hình khai thác, sử dụng nước của thủy điện Nậm Toóng; công trình khai thác, sử dụng nước của cơ sở chế biến tinh dầu quế Tân Dương, thôn Mỏ Đá, xã Tân Dương, huyện Bảo Yên; tình hình khai thác, sử dụng nước tại thủy điện Nậm Toóng, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa; công trình khai thác nước mặt của nhà máy tuyển apatit Tầng Lông và Cam Đường và dự án khai thác và chế biến cao lanh Sơn Mãn,

3. Lĩnh vực bảo vệ môi trường:

Công tác thẩm định hồ sơ pháp lý về môi trường: Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM 23 dự án; 04 hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; 10 hồ sơ đóng cửa mỏ.

Công tác tham mưu ban hành văn bản: Xây dựng dự thảo, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phổ biến, tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Kế hoạch thực hiện Đề án giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2022; Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2022; Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch xét tặng Giải thưởng Môi trường tỉnh Lào Cai lần thứ 2 - năm 2022; Hướng dẫn phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải lây nhiễm phát sinh tại điểm cách ly, quản lý, theo dõi khám và điều trị tại nhà đối với người nhiễm Covid - 19 trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2022 trình HĐND tỉnh; Báo cáo số liệu thống kê Quốc gia ngành tài nguyên và môi trường năm 2021 và đánh giá kết quả thực hiện bộ chỉ số nhóm I Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2021; kết quả triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2022; kết quả xử lý một số vụ việc rò rỉ khí thải gây tấp lá cây trồng và tràn nước thải tại bãi thải Gyps của nhà máy DAP số 2 - Vinachem gây chết cá của một số hộ dân tại KCN Tầng Lông, huyện Bảo Thắng.

Công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm: Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm luôn bám sát theo các địa bàn và các lĩnh vực có nổi cộm trên địa bàn tỉnh. Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT đối với 81 cơ sở sản xuất kinh doanh (đạt 162% KH), điển hình như: kiểm tra thiết bị, điều kiện kết nối hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải nhà máy sản xuất phốt pho vàng công suất 10.000 tấn/năm của Công ty CP phốt pho vàng Lào Cai; điều kiện kết nối hệ thống quan trắc tự động khí thải nhà máy sản xuất

phân bón của Công ty TNHH MTV Hoá chất Đức Giang Lào Cai; việc lưu giữ hóa chất tại kho lưu giữ của nhà thầu phục vụ cho xây dựng nhà máy sản xuất DAP của Công ty Cổ phần DAP-Vinachem; việc đổ thải công trình tổ hợp hệ thống trường Quốc tế Canada; kiểm tra, rà soát tổng thể hoạt động phát thải, xả thải và hệ thống quan trắc tự động liên tục các cơ sở sản xuất trong KCN Tăng Loong; tổ chức kiểm tra, xác định nguyên nhân và báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh vụ việc Nhà máy sản xuất phốt pho vàng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Tiến tại KCN Tăng Loong, huyện Bảo Thắng xả nước thải vào suối Khe Chom; sự cố tràn dầu nhà máy luyện đồng Lào Cai; sự cố tràn nước róc tại bãi thải Gyp của nhà máy sản xuất DAP số 2 - Vinachem... Phối hợp với các đơn vị liên quan kịp thời kiểm tra phản ánh của nhân dân về việc các loại cây trồng bị cháy, tấp lá tại thôn Phú Hà 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng và báo cáo, đề xuất UBND tỉnh phương án giải quyết.

Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị duy trì đạt 95% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, tỷ lệ tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt đạt 62%; việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực đô thị hiện nay đều được các đơn vị dịch vụ công ích ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; tiếp tục duy trì các bãi rác đã được đầu tư nâng cấp, cải tạo đảm bảo hợp vệ sinh môi trường. Đối với chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng được đổ thải theo vị trí, địa điểm đã được các huyện, thị xã, thành phố quy hoạch.

Lấy và phân tích 252 mẫu không khí, 542 mẫu nước mặt, 20 mẫu nước ngầm, 28 mẫu nước thải sinh hoạt, 36 mẫu đất và 60 mẫu nước mưa axit. Kết quả 4 đợt quan trắc đánh giá về cơ bản thành phần môi trường tại thời điểm quan trắc tương đối ổn định, phần lớn các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép so với quy chuẩn hiện hành. Tuy nhiên, vẫn còn có một số thông số vượt quy chuẩn như: Nước mặt (TSS; COD; BOD5; NH4+; NO2-; Mn; PO43-; F-; Fe); Không khí (Bụi TSP; Tiếng ồn); Nước thải sinh hoạt (NH4+; Coliform; BOD5). Quản lý, vận hành 02 trạm quan trắc tự động liên tục môi trường không khí xung quanh tại khu công nghiệp Tăng Loong, Trạm quan trắc tự động liên tục môi trường nước mặt xuyên biên giới và 06 trạm quan trắc tài nguyên nước.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:

Sở đã tổ chức 11 buổi tiếp công dân định kỳ; tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền 96 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

Năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với 37 tổ chức trên địa bàn tỉnh. Sở đã ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện lắp trạm cân và camera giám sát đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong năm 2022.

Tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với 159 tổ chức, cá nhân. Qua thanh tra, kiểm tra đã trình UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính đối với 10 tổ chức, cá nhân với số tiền 3.447 triệu đồng; ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành

chính theo thẩm quyền đối với 118 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền xử phạt khoảng 1.264 triệu đồng. Đồng thời, yêu cầu các tổ chức, cá nhân rút kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại theo yêu cầu tại Kết luận thanh tra và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Lĩnh vực đất đai:

- Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành còn một số điểm bất cập, chưa đồng bộ và chưa phù hợp với thực tế địa phương dẫn đến việc áp dụng các quy định gặp rất nhiều khó khăn.

- Đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng còn thiếu và yếu, đặc biệt là đội ngũ cán bộ địa chính xã; việc tiếp cận và cập nhật các quy định của người bị thu hồi đất còn chậm và không đồng đều. Vì vậy, việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về đất đai tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

- Một bộ phận người sử dụng đất cố tình không chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác thu hồi đất; có nhiều yêu cầu, đòi hỏi không đúng quy định của pháp luật, khi không được giải quyết thì chống đối, đơn thư khiếu kiện vượt cấp.

- Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2021-2025 tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên, do Quy hoạch chung của tỉnh chưa hoàn thành nên Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa xem xét thẩm định kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2021-2025 của tỉnh Lào Cai.

2. Lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Việc tổng hợp các số liệu báo cáo về các chỉ tiêu môi trường, đánh giá kết quả triển khai mục tiêu nghị quyết phụ thuộc vào kết quả triển khai của các cơ quan chuyên quản nên số liệu tổng hợp còn chậm so với quy định.

- Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các chương trình hành động, kế hoạch Quốc gia, nhiều lộ trình xử lý chất thải mới phải triển khai thực hiện, tuy nhiên nguồn lực địa phương còn nhiều hạn chế, gây khó khăn trong việc thực hiện có hiệu quả các chương trình, mục tiêu Trung ương đề ra.

- Cơ chế chính sách ưu đãi về đầu tư trong xử lý chất thải rắn đã được thể chế hóa nhưng thực tiễn triển khai áp dụng còn nhiều khó khăn do việc tiếp cận các nguồn vốn vay còn quá nhiều hạn chế, chưa thực sự khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân, tập thể tham gia. Công nghệ thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải còn thiếu đồng bộ, chủ yếu vẫn là chôn lấp, tuy nhiên hầu hết bãi chôn lấp chất thải cấp xã chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. Công tác phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn gặp khó khăn do điều kiện hạ tầng chưa đáp ứng.

- Chưa có hướng dẫn chi tiết việc tái sử dụng nước thải trong phạm vi cơ sở để tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, giảm cấp nước. Luật Bảo vệ môi trường

và các nghị định hướng dẫn khuyến khích cơ sở tái sử dụng nước thải phát sinh nhưng quy trình, quy chuẩn, thủ tục rất khó áp dụng. Cùng loại nước thải đã xử lý theo tiêu chuẩn cột A, doanh nghiệp muốn tái sử dụng cho sản xuất công nghiệp phải xin giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, muốn đưa nước ra tưới cây trong khuôn viên nhà máy phải xin phép Bộ Nông nghiệp và PTNT. Hiện nay, chưa có hướng dẫn kỹ thuật cho việc tái sử dụng nước thải công nghiệp cho mục đích: tưới cây, đội nhà vệ sinh, sản xuất công nghiệp.

- Việc triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải nước thải của các đơn vị chủ nguồn thải còn chậm, một phần do Chính sách của Trung ương tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong tình hình dịch bệnh Covid-19 (gia hạn đến hết 31/12/2024), phần khác do các doanh nghiệp còn chây ì, chưa chủ động nên vẫn còn một số đơn vị chưa lắp đặt đầy đủ trạm quan trắc tự động, liên tục theo quy định. Thiết bị đa phần là nhập khẩu nước ngoài, hơn nữa thiết bị hoạt động trong môi trường chất thải nên dễ bị ăn mòn, hỏng hóc ảnh hưởng đến số liệu truyền về sở gây khó khăn cho quá trình quản lý, kiểm soát ô nhiễm.

- Theo Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng thì Gyps thải chỉ được lưu chứa tại bãi chứa trong vòng 02 năm. Đến thời điểm hiện tại, một số đơn vị đã quá hạn lưu chứa, mặc dù các doanh nghiệp đã chủ động xây dựng đề án xử lý, tiêu thụ tro, xỉ, thạch cao và tìm hướng giải quyết việc tồn lưu Gyps tại bãi chứa nhưng hiệu quả không cao, mức tiêu thụ không đáng kể, vẫn lưu chứa tại bãi chứa.

3. Lĩnh vực khoáng sản:

- Một số quy định, chính sách chưa cụ thể, rõ ràng trong công tác quản lý khoáng sản nên khó khăn trong việc triển khai thực hiện như: công tác đấu thầu đóng cửa mỏ; thời điểm thu hồi đất, đóng cửa mỏ; việc thu hồi vật liệu xây dựng trong quá trình nạo vét lòng hồ; việc sử dụng quặng tại các khối tài nguyên,...

- Hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực tế vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, hiệu quả không cao và khó đáp ứng được một số quy định của pháp luật do chưa có quy định cụ thể (lắp đặt trạm cân và camera giám sát, ...).

- Công tác giải phóng mặt bằng phục vụ sản xuất và triển khai các dự án vẫn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do những tồn tại về chế độ chính sách liên quan đến đất đai, ý thức chấp hành của bản thân doanh nghiệp và người dân,...

- Một số mỏ, dự án do vướng mắc về GPMB, chậm đưa vào hoạt động: khai trường 19, Apatit Phú Nhuận, graphit Bảo Hà, một số mỏ vật liệu do UBND tỉnh cấp,...

- Một số mỏ khoáng sản (mỏ vàng gốc) nằm ở vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn; một số thời điểm diễn ra tình trạng khai thác trái phép do chưa được cấp phép cho doanh nghiệp quản lý, khai thác. Do vậy, công tác quản lý, bảo vệ và đảm bảo an ninh rất khó khăn cho địa phương.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của tình hình chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp; dịch COVID-19 vẫn còn tiếp diễn và chứa ẩn nhiều rủi ro; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như của ngành trong năm 2022. Với mục tiêu ***“Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu”***, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành Tài nguyên và Môi trường nỗ lực vượt mọi khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ thuận lợi, ra sức phấn đấu, quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2023, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cụ thể:

1. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Lãnh đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao.

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở; 18 Đề án trọng tâm của tỉnh, đặc biệt là Đề án số 09-ĐA/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh với nội dung, hình thức thiết thực, hiệu quả.

2. Tập trung, ưu tiên nguồn lực, triển khai thực hiện có hiệu quả nhằm hoàn thành các mục tiêu Đề án số 09-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về “Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020-2025” năm 2023.

3. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình, Đề án về cải cách hành của Trung ương và của tỉnh. Kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy ngành Tài nguyên và Môi trường theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của ngành. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các TTHC không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết, đặc biệt là lĩnh vực đất đai; thường xuyên giám sát cán bộ không để xảy ra tình trạng thiếu trách nhiệm, chậm trễ, gây phiền hà trong giải quyết TTHC, kiểm soát chặt chẽ việc giải quyết hồ sơ TTHC, không để hồ sơ trễ hạn

quá 5%; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 và tăng tỷ lệ người dùng. Theo dõi, đánh giá, phân xếp loại cán bộ định kỳ theo từng tuần, tháng, quý, năm, đánh giá theo đúng năng lực, hiệu quả công tác của từng tập thể, cá nhân, qua đó, đổi mới phương pháp quản lý cán bộ, tác phong làm việc khoa học, thiết thực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số của ngành.

4. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước: Kịp thời động viên khen thưởng các cá nhân, đơn vị điển hình có cách làm sáng tạo trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo khí thế thi đua lao động, sản xuất hoàn thành tốt kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2023.

5. Tham mưu quản lý chặt chẽ đất đai theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp, tạo thuận lợi nhất trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các dự án. Đẩy nhanh tiến độ thẩm định giá đất làm cơ sở thực hiện đấu giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo kế hoạch. Tiếp tục rà soát, xác định thời điểm thuê đất của các dự án thuê đất trên địa bàn tỉnh.

Đôn đốc, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đúng thời gian quy định, phù hợp với quy hoạch trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2022-2025) tỉnh Lào Cai; tham mưu sửa đổi một số quy định của các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ tái định cư; quyết định ban hành Quy định một số nội dung về khôi phục đất đai đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh. Phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý đất lâm nghiệp, quy được chủ quản lý rừng.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án tạo ra quỹ đất công trên địa bàn tỉnh để đảm bảo có mặt bằng và thực hiện trích đo đưa đất vào đấu giá theo đúng kế hoạch thu tiền sử dụng đất đã được phê duyệt. Rà soát, khảo sát đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới, lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất và có lộ trình giải quyết tranh chấp, lấn chiếm (nếu có) để làm cơ sở quản lý quỹ đất công theo quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh.

6. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; thực hiện cấp giấy phép khai thác khoáng sản thông qua đấu giá. Tăng cường kiểm tra, giám sát các dự án hoạt động khoáng sản, đề xuất giải pháp quản lý chặt chẽ hoạt động khoáng sản trên địa bàn; tập trung xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ việc liên quan đến khai thác tài nguyên, khoáng sản. Tham mưu xác định và trình phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng, khảo sát, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư cần phải hoàn trả đối với các mỏ thuộc thẩm quyền UBND tỉnh. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2022 đúng quy định.

7. Quản lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước đúng mục đích; quản lý, cập nhật danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh và danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Triển khai kế hoạch cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước năm 2023. Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tự động trực tuyến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu tỉnh Lào Cai tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường. Triển khai thực hiện dự án điều tra đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông hồ trên địa bàn tỉnh. Chủ động tham mưu thực hiện các giải pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng, chống sạt lở bờ sông, suối. Tham mưu triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TU của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác khí tượng thủy văn, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh.

8. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, các khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm; tăng cường quản lý thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ. Kiên quyết xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xử lý nghiêm khắc, chặt chẽ đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với những trường hợp cố tình gây ô nhiễm hoặc những hành vi vi phạm được lặp lại nhiều lần nhưng không có biện pháp khắc phục. Tiếp tục tăng cường quản lý, xử lý có hiệu quả chất thải rắn, chất thải nguy hại. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các địa phương trên địa bàn tỉnh. Triển khai có hiệu quả Đề án “Giảm ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025”.

9. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh, kịp thời phát hiện, ngăn chặn triệt để tình trạng quản lý và khai thác, sử dụng trái phép tài nguyên thiên nhiên. Giám sát, đôn đốc việc thực hiện các Kết luận thanh, kiểm tra. Tham mưu xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm pháp luật hoặc không chấp hành quy định. Tiếp nhận, xử lý đơn thư của công dân theo đúng thẩm quyền, không để tồn đọng, kéo dài.

Phần thứ ba **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường một số nội dung sau:

1. Đối với lĩnh vực đất đai: Sớm hoàn thiện dự thảo Luật Đất đai sửa đổi, kịp thời ban hành và hướng dẫn địa phương áp dụng triển khai thực hiện.

2. Đối với lĩnh vực khoáng sản: Cho phép áp dụng việc tính, nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường của các mỏ theo sản lượng ghi trong giấy phép

khai thác. Trường hợp sản lượng thực tế lớn hơn sản lượng được cấp phép thì tính, nộp số tiền thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Quan tâm ban hành các chính sách hỗ trợ địa phương kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng triển khai thực hiện các lộ trình về xử lý chất thải (nâng cấp, cải tạo các bãi chôn lấp rác thải; nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xử lý nước thải khu vực đô thị; thiết bị quan trắc, giám sát chất lượng môi trường, chất thải tự động, liên tục ...).

- Có hướng dẫn chi tiết việc tái sử dụng nước thải trong phạm vi cơ sở để tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, giảm cấp nước để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Sớm ban hành hướng dẫn về xử lý chất thải rắn là bã quặng apatite (gyps) theo chức năng nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 452/QĐ-TTg năm 2017 về Phê duyệt đề án quốc gia đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng; Chỉ thị số 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng; ban hành các bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành làm cơ sở để các địa phương triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và MT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Hồ Cao Khải

Phụ lục 01

Kết quả cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung	Tổng số hồ sơ	Hình thức tiếp nhận và giải quyết			Kết quả xử lý	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Thanh toán điện tử	Đúng hạn	Quá hạn
I	Cấp tỉnh	46218	45869	349	1271	40630	2339
1	Lĩnh vực đất đai	46050	45701	349	1271	40530	2330
2	Lĩnh vực khoáng sản	50	50	-	-	21	6
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	47	47	-	-	43	3
4	Lĩnh vực môi trường	70	70	-	-	36	-
5	Lĩnh vực đo đạc bản đồ	01	01	-	-	-	-
II	Cấp huyện	6319	5608	711	0	5063	166
1	Lĩnh vực đất đai	6307	5600	707	-	5353	164
2	Lĩnh vực môi trường	12	8	4	-	10	2
	Tổng số	52537	51477	1060	1271	45693	2505

Phụ lục 02

Nguồn thu từ tài nguyên và môi trường đóng góp vào Ngân sách Nhà nước

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện	
		Tổng thu (triệu đồng)	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN địa phương (%)
1	Lĩnh vực đất đai		
-	Lệ phí trước bạ	229,694	84
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	45	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10,544	234
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	89,480	39
-	Thu tiền sử dụng đất	1,968,462	79
2	Lĩnh vực khoáng sản		
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển	569,952	153
-	Thu đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư hạ tầng giao thông và khắc phục môi trường	135,856	42
4	Lĩnh vực môi trường (thuế bảo vệ môi trường)	137,722	44
5	Thu từ cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực TNMT	20,379,039	
	Tổng số	23,520,794	

Phụ lục 03

Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

(Kèm theo Báo cáo số

/BC-STNMT ngày

/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung	Số lượng (đoàn/ cuộc)	Kết quả xử lý/kiến nghị xử lý sau thanh tra, kiểm tra				
			Thu hồi đất (ha)	Thu hồi giấy phép	Xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính	Hình thức xử lý khác
1	Kết quả công tác thanh tra	3					
-	Lĩnh vực đất đai	3					Thu hồi 01 GCNQSD đất
-	Lĩnh vực khoáng sản - Nước						
-	Lĩnh vực môi trường						
2	Kết quả công tác kiểm tra	159					
-	Lĩnh vực đất đai	121	0	0	1.560	533,6	
-	Lĩnh vực khoáng sản - Nước	17	0	0	1.469	29,1	
-	Lĩnh vực môi trường	21	0	0	1.120	0	
	Tổng số	162	0	0	4.149	562,7	

Phụ lục 04

Kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung	Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2022		Số lượng đơn thư còn tồn đọng từ các năm trước	Tổng số đơn thư phải xử lý lũy kế đến 2022	Kết quả giải quyết		Số lượng tiếp công dân
		Số lượng	Đơn phải xử lý			Số lượng	Chuyển cấp có thẩm quyền	
1	Lĩnh vực đất đai	67	56	-	-	40	16	6
2	Lĩnh vực khoáng sản	2	2	-	-	2	0	
3	Lĩnh vực tài nguyên nước	3	3	-	-	3	0	
4	Lĩnh vực môi trường	-	-	-	-	-	-	
5	Lĩnh vực hành chính khác	24	8	-	-	5	3	
	Tổng số	96	69	0	0	50	19	6

Phụ lục 05

Kết quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai)

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)		
		Tổng	Sử dụng vào mục đích nông nghiệp	Vào mục đích phi nông nghiệp
I	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	8,64		8,64
II	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	9,89		9,89
III	Cho thuê đất	962,61		962,61
IV	Cho phép chuyển mục đích	15,6		
1	Từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, trong đó:	9,92		9,92
	+ Đất trồng lúa	0,17		0,17
	+ Đất có rừng phòng hộ, đặc dụng	4,07		4,07
	+ Đất khác	5,68		5,68
2	Chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp	0		
3	Chuyển nội bộ đất phi nông nghiệp	5,68		5,68

Phụ lục 06

Kết quả cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xây dựng CSDL đất đai
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai)

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến thời điểm báo cáo			Trong đó: cấp trong năm 2022		Ghi chú
		Diện tích cần phải cấp giấy (m ²)	Diện tích đã hoàn thành cấp giấy (m ²)	Số giấy chứng nhận đã cấp (giấy)	Diện tích cấp mới lần đầu (m ²)	Số giấy cấp mới lần đầu (giấy)	
I	Kết quả cấp GCN						
		733.767.724,0	9.457.986,8	5.529	18.785.388	2.085	
1	Đất nông nghiệp	500.574.000	2.800.574	826	6.034.721	680	
2	Đất ở	36.345.582	4.891.854	2.590	6.591.258	1113	
3	Các loại đất khác	196.848.142	1.765.558,8	2.113	6.159.409	292	
II	Kết quả xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai						
STT	Chỉ tiêu	Số huyện lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022				Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó: Đã kết nối với dữ liệu dân cư	Đã cung cấp dịch vụ công	Kết nối liên thông với Thuế và tổ chức tín dụng		
1	Số đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành và đưa vào vận hành	05		05	05		
	<i>Đã đưa vào khai thác trong quản lý và cung cấp dịch vụ công</i>	05		05	05		
	<i>Dự kiến hoàn thành trong năm 2022</i>						
2	Số đơn vị hành chính cấp huyện đang triển khai	04		02	02		

Phụ lục 07

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường cấp tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STNMT ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả	
			Tổng số	%
1	Số đô thị (loại IV trở lên) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đô thị	2	100%
2	Số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Khu	2	100%
3	Số nguồn thải có hệ thống quan trắc tự động liên tục	Cơ sở	10	71,4
	<i>Trong đó, số KCN, KCX, KCNC có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục</i>	<i>Khu</i>	<i>01</i>	<i>50%</i>
4	Cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom xử lý nước thải tập trung	Cụm	0	
5	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành biện pháp xử lý triệt để	Cơ sở	3	60%
6	Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn	Tấn/năm	219.787	
6.1	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh	Tấn/năm	78.300	
	<i>Trong đó, được xử lý thu gom bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn</i>	Tấn/năm	74.385	95%
	<i>Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học....</i>	Tấn		62 %
6.2	Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn	Tấn/năm	140.400	
	<i>Trong đó, được thu gom (Hiện trên địa bàn tỉnh Lào Cai, rác thải sinh hoạt phát sinh được triển khai thu gom, tuy nhiên chưa được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn)</i>	Tấn/năm	106.704	76 %
	<i>Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học....</i>	Tấn		Chưa có số liệu thống kê
7	Số lượng các trạm quan trắc nước thải/ khí thải tự động, liên tục	Trạm	27	79,4%
8	Số lượng vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường đã phát hiện và xử lý	Vụ việc	04	
	<i>Trong đó: Giải quyết vụ việc được phản ánh thông qua đường dây nóng về môi trường</i>		0	

	<i>Số lượng vụ việc được phản ánh, kiến nghị</i>	Vụ việc	04	
	<i>Số lượng vụ việc đã được giải quyết dứt điểm</i>	Vụ việc	04	
9	Số huyện đạt tiêu chuẩn về môi trường nông thôn mới			
10	Công tác bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học			
10.1	Khu Bảo tồn			
	Số lượng	Khu	03	
	Diện tích	Ha	72.085	
10.2	Di sản thiên nhiên			
	Số lượng	Khu	9	
	Diện tích	Ha	3607,85	
10.3	Hành lang đa dạng sinh học			
	Số lượng	Khu	0	
	Diện tích	Ha		
10.4	Cơ sở bảo tồn			
	Số lượng	Khu	01	
	Diện tích	Ha	29.6	